

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dư Thị T, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T1, huyện K, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Khu 2, xã T2, huyện T3, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn V, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27 tháng 5 năm 2020 và các bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Dư Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đặng Văn V tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh ngày 30/01/2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19). Đầu năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do anh V độc đoán, gia trưởng, không tôn trọng chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị đã mang con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Đặng Anh V1, sinh ngày 08/5/2014; Đặng An T1, sinh ngày 02/01/2017, cháu V1 đang do anh V nuôi dưỡng; cháu T1 đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu V1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai trình bày thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng thường xảy ra, do bất đồng quan điểm sống, mỗi người có phong cách sống riêng, nên chị T đã mang con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2017; đầu năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, thường xuyên xúc phạm nhau, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị T đã trình bày. Hiện nay anh đang nuôi dưỡng cháu Đặng Anh V1; chị T đang nuôi dưỡng cháu Đặng An T1. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Sự vắng mặt của bị đơn (anh V) tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dư Thị T; cho chị Dư Thị T được ly hôn anh Đặng Văn V.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Anh V1, sinh ngày 08/5/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Đặng An T1, sinh ngày 02/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Anh Đặng Văn V là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do anh V (bị đơn) cư trú tại Thôn T, xã T1, huyện K, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T xin ly hôn anh V xin đoàn tụ; căn cứ lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T1 cung cấp thì hôn nhân của chị Dư Thị T và anh Đặng Văn V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ giữa năm 2017, do bất đồng quan điểm sống, anh V thể hiện tính độc đoán, gia trưởng, không tôn trọng ý kiến của chị T, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, nên xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh V.

[4] Xét về điều kiện nuôi con chung: Anh chị có hai con là Đặng Anh V1, sinh ngày 08/5/2014; Đặng An T1, sinh ngày 02/01/2017, cháu V1 đang do anh V nuôi dưỡng; cháu T1 đang do chị T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến khi đủ 18 tuổi, đồng ý giao cháu V1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị T và anh V; Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự cũng như tài liệu trong hồ sơ vụ án thì anh, chị đều khỏe mạnh, chị T đang làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định; anh V làm thợ xây, thu nhập trung bình mỗi tháng 7.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định. Hiện tại chị T đang nuôi dưỡng cháu T1; anh V đang nuôi dưỡng cháu V1; bên cạnh đó, anh chị đều có bố mẹ để giúp đỡ, chăm sóc các cháu rất tốt, đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định. Do đó cần giao cháu V1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận nguyện vọng của anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dư Thị T được ly hôn anh Đặng Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Anh V1, sinh ngày 08/5/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Đặng An T1, sinh ngày 02/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị T, anh V đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0009281 ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND phường H, tp H1.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu

